

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5- BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2026/HNGĐ-ST

Ngày 08/06/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
giữa chị V với anh S

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mạc Vương B

2. Bà Vũ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5- Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Vương Văn Phong- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 34/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2026/QĐXX-ST ngày 11 tháng 05 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 05 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị V, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn K, xã Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt)

Ủy quyền cho anh Nguyễn M Anh, sinh năm 2003

Địa chỉ: Số 329 đường D, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh, theo văn bản ủy quyền số 1102 ngày 11/02/2026 (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn K, xã Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày: Chị kết hôn với anh Hoàng Văn S năm 2013. Trước khi kết hôn, chị và anh S có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giáp S, huyện

Lục Ngạn. Sau khi tổ chức đám chị về làm dâu nhà anh S ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, khiến cuộc sống gia đình ngày càng nặng nề, ngột ngạt. Nguyên nhân do chị và anh S ngày càng bất đồng về quan điểm sống. Việc này gia đình hai bên có biết, động viên khuyên bảo nhưng không thành. Do có quá nhiều mâu thuẫn, quá mệt mỏi, nên chị và anh S đã sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S đã hết, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn S sinh được 02 con là Hoàng Bảo Q, sinh ngày 30/05/2013 và Hoàng Bảo B, sinh ngày 08/09/2016 đang ở với anh S. Ly hôn, đề tránh xáo trộn về cuộc sống của các con, chị đề nghị giao cả 02 con cho anh Hoàng Văn S nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chị và anh S sẽ tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Hoàng Văn S, nhưng anh S không đến trụ sở Tòa án làm việc, cũng không cung cấp cho Tòa án bản tự khai hay tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Trần Thị V ly hôn anh Hoàng Văn S. Về con chung, giao cả 02 con cho anh Hoàng Văn S nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản, không đặt ra xem xét. Chị Trần Thị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xử vụ án.

Chị Trần Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và con chung giữa chị với anh Hoàng Văn S. Đây là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5- Bắc Ninh.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V kết hôn với anh Hoàng Văn S trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giáp S, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh) ngày 20/02/2013, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị V và anh S sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị V và anh S đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho chị Trần Thị V ly hôn anh Hoàng Văn S.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị V và anh Hoàng Văn S sinh được 02 con chung là Hoàng Bảo Q, sinh ngày 30/05/2013 và Hoàng Bảo B, sinh ngày 08/09/2016, đang ở với anh S, phát triển bình thường. Ly hôn, chị Trần Thị V đề nghị giao cả 02 con cho anh S nuôi dưỡng, các con đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với anh S. Quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, giữ nguyên yêu cầu của chị Trần Thị V. Để tránh xáo trộn về cuộc sống, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các con, đề nghị của chị V đúng với nguyện vọng của các con, nên cần được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cả 02 con cho anh Hoàng Văn S tiếp tục nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000831 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh ngày 26/01/2026.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị V ly hôn với anh Hoàng Văn S.

2. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn S nuôi 02 con là Hoàng Bảo Q, sinh ngày 30/05/2013 và Hoàng Bảo B, sinh ngày 08/09/2016. Chị Trần Thị V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị V thực hiện quyền này. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000831 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh ngày 26/01/2026.

4. Về kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã Lục Ngạn;
- Lưu hồ sơ, v/p.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân